

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 3134/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua
và chia Cúp, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7, Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Thực hiện Hướng dẫn số 2694/HD-BTĐKT ngày 08/11/2018 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét của cụm thi đua của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 645/TTr-SNV ngày 09 tháng 11 năm 2022.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cùm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có nhiệm vụ tổ chức triển khai, hướng dẫn và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc các Cùm, Khối thi đua thuộc tỉnh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023 và thay thế Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cùm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Đối với những đơn vị thuộc Cùm, Khối của tỉnh đã ký kết giao ước thi đua năm 2022 thì thực hiện khen thưởng theo quy định tại Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 04/4/2019. / *quê*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TĐKTTW;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (5b);
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT, nvthanh (01b).

CHỦ TỊCH



Thánh

Lâm Minh Thành



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua
và chia Cùm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3134/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Việc quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia cùm, khối thi đua của tỉnh nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua và hoạt động cùm, khối thi đua theo tinh thần Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng (TĐKT) và Công văn số 1057-CV/TU ngày 14/8/2014 của Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng. Qua đó, biểu dương, khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thành phố, doanh nghiệp, hợp tác xã và các địa phương, đơn vị trực thuộc (sau đây gọi chung là cơ quan, địa phương, đơn vị) thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

2. Thông qua việc phân chia cùm, khối thi đua nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của từng cơ quan, địa phương, đơn vị trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước làm cơ sở cho việc đánh giá, bình xét các đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong các phong trào thi đua để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Việc xét thi đua và khen thưởng phải dựa trên tiêu chí cụ thể, đảm bảo đúng nguyên tắc theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Khen thưởng phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng thành tích, kịp thời, dân chủ, công khai, tránh hình thức và bệnh thành tích; đề thi đua và khen thưởng thực sự là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đảm bảo quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia cùm, khối thi đua được áp dụng đối với các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan, địa phương, đơn vị tại các cùm, khối thi đua của Quy định này.



Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức

1. Cụm thi đua gồm huyện, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là Cụm huyện) xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thành phố (gọi tắt là Cụm xã) có đặc điểm tương đồng về địa lý, tự nhiên, kinh tế, xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và chỉ đạo hoạt động hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo hoạt động.

Cụm thi đua có Cụm trưởng, Cụm phó do thành viên trong Cụm phân công luân phiên hàng năm. Cụm trưởng, Cụm phó tổ chức điều hành hoạt động của Cụm thi đua ngay sau khi được thành viên trong cụm thống nhất đề xuất tại hội nghị tổng kết. Phòng Nội vụ cấp huyện và công chức Văn phòng - Thống kê phụ trách công tác thi đua, khen thưởng (TĐKT) cấp xã là cơ quan thường trực giúp việc cho Cụm trưởng, Cụm phó và thành viên trong cụm.

2. Khối thi đua được tổ chức theo lĩnh vực gồm một số cơ quan, đơn vị có đặc điểm tương đồng về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động hoặc sản xuất, kinh doanh.

Khối thi đua có Khối trưởng, Khối phó do thành viên trong Khối phân công luân phiên hàng năm. Khối trưởng, Khối phó tổ chức điều hành hoạt động của Khối thi đua ngay sau khi được thành viên trong khối thống nhất đề xuất tại hội nghị tổng kết. Giúp việc cho Khối trưởng, Khối phó là cán bộ được phân công phụ trách công tác TĐKT của đơn vị Khối trưởng, Khối phó và các thành viên trong khối.

3. Cụm trưởng, Cụm phó; Khối trưởng, Khối phó được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị mình để quan hệ thực hiện nhiệm vụ của Cụm, Khối thi đua.

Điều 4. Nhiệm vụ của Cụm, Khối thi đua

1. Cụm trưởng, Khối trưởng

Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng TĐKT tỉnh về các hoạt động của Cụm, Khối thi đua và có nhiệm vụ:

1.1. Xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua và tổ chức họp phát động đăng ký và bình xét thi đua hằng năm theo quy định.

1.2. Xây dựng nội dung, tiêu chí, thang điểm thi đua phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Hội đồng TĐKT tỉnh.

1.3. Tổ chức ký kết giao ước thi đua, phối hợp hoạt động giữa các đơn vị thành viên, phát huy sức mạnh tổng hợp và thế mạnh của mỗi đơn vị thành viên. Phối hợp tổ chức các hoạt động chung của Cụm, Khối thi đua và trao đổi về

nghiệp vụ, kinh nghiệm, học tập các mô hình mới, cách làm hay và các điển hình tiên tiến. Bàn các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác TĐKT; thực hiện tuyên truyền, giới thiệu, nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay và các điển hình tiên tiến.

1.4. Báo cáo kết quả hoạt động của Cụm, Khối thi đua với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quản lý hoạt động); tổ chức chấm điểm thi đua cho các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua và Bằng khen cho các đơn vị trong Cụm, Khối thi đua theo quy định.

1.5. Chuẩn bị nội dung và chủ trì tổ chức các cuộc họp sơ, tổng kết và ký kết giao ước thi đua của Cụm, Khối (Cụm thi đua các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn; Khối thi đua các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và khối thi đua các doanh nghiệp thuộc tỉnh khi họp mời thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh phụ trách Cụm, Khối và Ban TĐKT hoặc Hội đồng TĐKT của đơn vị cấp trên trực tiếp được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền chỉ đạo, quản lý tham dự).

2. Cụm phó, Khối phó

2.1. Phối hợp với Cụm trưởng, Khối trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động của Cụm, Khối và bình xét thi đua.

2.2. Thay mặt Cụm trưởng, Khối trưởng giải quyết những công việc khi được Cụm trưởng, Khối trưởng ủy quyền.

2.3. Phối hợp đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng tổ chức sơ kết, tổng kết và ký kết giao ước thi đua của Cụm, Khối.

3. Cơ quan thường trực giúp việc Cụm trưởng, Khối trưởng

3.1. Tham mưu, giúp việc cho Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó triển khai các yêu cầu của Hội đồng TĐKT tỉnh và hướng dẫn của Ban TĐKT, Sở Nội vụ.

3.2. Tham mưu dự thảo kế hoạch, chương trình công tác, quy chế hoạt động của Cụm, Khối; chuẩn bị nội dung, tài liệu các cuộc họp và các điều kiện tổ chức các hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

3.3. Phối hợp với Phòng Nội vụ, cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua đánh giá tình hình tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác khen thưởng. Rà soát, tổng hợp điểm thi đua của các đơn vị thành viên theo thang bảng điểm đã được các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua thống nhất và quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

3.4. Chuẩn bị các nội dung và điều kiện tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết và ký kết giao ước thi đua hàng năm của Cụm, Khối và các nhiệm vụ khác do Hội đồng TĐKT tỉnh giao.

4. Các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối

4.1. Căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, kế hoạch phát động phong trào thi đua hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc do cấp có thẩm quyền giao để đăng ký các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm gửi Cụm trưởng, Khối trưởng trong quý I hàng năm. Đối với các đơn vị trực thuộc sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chương trình, kế hoạch của cấp trên trực tiếp giao để xây dựng đăng ký nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm gửi Cụm trưởng, Khối trưởng.

4.2. Tham gia xây dựng nội dung và các tiêu chí thi đua, thang bảng điểm của Cụm, Khối thi đua. Tổ chức phát động các phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, địa phương, đơn vị.

4.3. Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

4.4. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung đã ký kết giao ước thi đua. Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua.

4.5. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua của đơn vị 6 tháng đầu năm và cả năm. Tự chấm điểm thi đua theo quy chế hoạt động và gửi báo cáo về Cụm trưởng, Khối trưởng theo quy định.

Điều 5. Hoạt động của Cụm, Khối thi đua

1. Căn cứ điều kiện thực tế, hằng năm các Cụm, Khối thi đua tổ chức các hoạt động chung như: tọa đàm, giao lưu, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ; học tập, trao đổi kinh nghiệm, cách làm hiệu quả,... góp phần đổi mới nội dung, nâng lên hiệu quả hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

2. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo sơ kết 06 tháng và tổng kết năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và Cụm trưởng, Khối trưởng thi đua: Các thành viên trong Cụm, Khối thi đua báo cáo kết quả thực hiện các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ được giao (đối với khối thi đua), phát triển kinh tế - xã hội (đối với cụm thi đua) và các chỉ tiêu thi đua đã ký kết 6 tháng, năm cho Cụm trưởng, Khối trưởng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban TĐKT hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quản lý); thời gian gửi báo cáo sơ kết 06 tháng trước ngày 15/7, báo cáo tổng kết gửi trước ngày 15/01 năm sau; ngành Giáo dục và Đào tạo báo cáo sơ kết gửi trước ngày 15/01, báo cáo tổng kết gửi trước 15/6 hàng năm (thời gian cụ thể gửi báo cáo sơ kết, tổng kết để Cụm trưởng, Khối trưởng tổng hợp ghi trong quy chế hoạt động của Cụm, Khối).

3. Cụm trưởng, Khối trưởng phối hợp với Cụm phó, Khối phó tổng hợp tình hình thực hiện các phong trào thi đua, các chỉ tiêu thi đua đã ký kết, tổ chức hội nghị sơ kết tại đơn vị Cụm phó, Khối phó; tổ chức hội nghị tổng kết và ký

giao ước thi đua tại đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng (thời gian sơ kết trong tháng 7, tổng kết trong tháng 01 năm sau; ngành Giáo dục và Đào tạo sơ kết trong tháng 01, tổng kết trong tháng 6 hằng năm).

4. Tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm: Do Cụm phó, Khối phó chủ trì.

4.1. Thành phần:

Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh (hoặc Hội đồng TĐKT của đơn vị cấp trên trực tiếp được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền chỉ đạo, quản lý) phụ trách Cụm, Khối thi đua; đại diện lãnh đạo và chuyên viên Ban TĐKT tỉnh (hoặc tổ chức, cá nhân phụ trách công tác TĐKT của đơn vị cấp trên trực tiếp được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền chỉ đạo, quản lý) theo dõi Cụm, Khối; Người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị chủ trì hội nghị; đại diện lãnh đạo và cơ quan hoặc cá nhân làm công tác TĐKT (đối với cụm thi đua mời thêm lãnh đạo và chuyên viên theo dõi công tác TĐKT Văn phòng Ủy ban nhân dân) của các đơn vị thành viên Cụm, Khối thi đua.

4.2. Nội dung:

- Đánh giá sơ kết việc thực hiện các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký và biện pháp triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Cụm, Khối thi đua;
- Trao đổi nghiệp vụ công tác TĐKT;
- Giới thiệu các mô hình mới, cách làm hay, điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua.
- Giao lưu, trao đổi học tập mô hình hiệu quả trong phong trào thi đua
- Rà soát các tiêu chí chấm điểm của năm trước và tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương, bổ sung hoặc điều chỉnh các tiêu chí không còn phù hợp; thảo luận, thống nhất sửa đổi quy chế hoạt động của Cụm, Khối (nếu thấy cần thiết).

5. Tổng kết hoạt động của Cụm, Khối thi đua và bình xét xếp hạng thi đua: Do Cụm trưởng, Khối trưởng chủ trì.

5.1. Thành phần: Tương tự như họp sơ kết 6 tháng.

5.2. Nội dung:

Trước khi tổ chức hội nghị tổng kết, Cụm trưởng, Khối trưởng tổng hợp, dự thảo chương trình, nội dung cuộc họp và kết quả chấm điểm, xếp loại thi đua của các đơn vị thành viên gửi đến các thành viên trong cụm có ý kiến góp ý. Nội dung hội nghị tổng kết gồm:

- Đánh giá kết quả hoạt động của Cụm, Khối thi đua trong năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp đẩy mạnh hoạt động năm tới;
- Phổ biến, giới thiệu mô hình mới, điển hình tiên tiến, cách làm hay của các đơn vị trong Cụm, Khối thi đua;
- Giao lưu, trao đổi học tập mô hình hiệu quả trong phong trào thi đua

- Thông báo kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua của các đơn vị thành viên. Bình chọn, suy tôn xếp hạng và đề nghị tặng “Cờ thi đua” của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Giới thiệu Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó cho năm tiếp theo;

6. Ký kết giao ước thi đua

- Cụm trưởng, Khối trưởng chủ trì tổ chức cuộc họp các thành viên trong Cụm, Khối để ký kết giao ước thi đua.

- Thời gian tổ chức ký kết giao ước thi đua và gửi về Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh chậm nhất trong Quý I.

Chương III

NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ THI ĐUA CHỦ YẾU

Điều 6. Nội dung, thang điểm thi đua

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định các nội dung, tiêu chí, thang điểm thi đua chủ yếu; các Cụm, Khối thi đua căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế của các đơn vị thành viên Cụm, Khối thi đua để cụ thể hóa nội dung, tiêu chí, thang bảng điểm thi đua cho phù hợp (Các cụm, Khối có thể thay đổi nhưng không quá 30% các nội dung, tiêu chí, thang điểm thi đua chủ yếu do tỉnh quy định). Nội dung, tiêu chí thi đua phải được lượng hóa thành thang bảng điểm để làm cơ sở chấm điểm, xếp hạng thi đua và đề nghị khen thưởng.

2. Nội dung thi đua gồm 03 nội dung:

- Nội dung I, thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh (đối với Cụm thi đua); thi đua thực hiện nhiệm vụ được giao (đối với Khối thi đua).

- Nội dung II, thi đua thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và xây dựng hệ thống chính trị.

- Nội dung III, thi đua thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng.

3. Tổng số điểm của 03 nội dung thi đua là 1.000 điểm. Trong đó: Điểm thực hiện cho 03 nội dung thi đua là 950 điểm, gồm: Nội dung I là 650 điểm, nội dung II là 200 điểm, nội dung III là 100 điểm; điểm thưởng là 50 điểm.

Điều 7. Tiêu chí thi đua chủ yếu

1. Nội dung I. Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh (đối với Cụm thi đua); thực hiện các nhiệm vụ được giao (đối với Khối thi đua). Điểm chuẩn 650 điểm.

1.1. Đối với Cụm thi đua các huyện, thành phố

a) Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số. Điểm chuẩn 450 điểm.

STT	Nội dung thi đua	Đơn vị tính	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	40				
2	Tổng thu ngân sách địa phương so chỉ tiêu cấp có thẩm quyền giao (không tính nguồn thu hỗ trợ của Tỉnh).	%	40				
3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế so kế hoạch		15				
3.1	Khu vực I (<i>giảm</i>)	%	05				
3.2	Khu vực II (<i>tăng</i>)	%	05				
3.3	Khu vực III (<i>tăng</i>)	%	05				
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	%	35				
5	Huy động trẻ em 6 - 14 tuổi đến trường so trẻ em trong độ tuổi	%	20				
6	Tỷ lệ trường học (MN, TH, THCS) mới được công nhận đạt chuẩn quốc gia so KH	%	20				
7	Tạo việc làm mới cho người lao động so KH	1.000 người	20				
8	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều so KH	%	30				
9	Thêm xã mới được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc nông thôn mới nâng cao hoặc nông thôn mới kiểu mẫu so kế hoạch. (Đối với phường thuộc thành phố thay bằng đạt đô thị văn minh so kế hoạch)	xã	30				
10	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng so kế hoạch	%	10				
11	Số xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế so kế hoạch	%	30				

14/2/2023 10:45:00 AM

12	Tỷ lệ ấp, khu phố được công nhận danh hiệu văn hóa so kế hoạch	%	30				
13	Tỷ lệ hộ dân nông thôn/đô thị được sử dụng nước sạch so kế hoạch	%	30				
14	Kết quả cất, sửa nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết so KH	Căn nhà	15				
15	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế so kế hoạch	%	20				
16	Thực hiện công tác cải cách hành chính (kết quả xếp hạng của UBND tỉnh)	Hạng	30				
16.1	Xếp loại xuất sắc		30				
16.2	Xếp loại tốt		25				
16.3	Xếp loại khá		20				
16.4	Xếp loại trung bình		10				
17	Kết quả hoàn thành các nhiệm vụ đột xuất do Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao (nếu có)		15				
18	Thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Tỉnh		20				

b) Thi đua thực hiện công tác quốc phòng - an ninh và an toàn giao thông, điểm chuẩn 200 điểm.

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Giảm	Bằng	Tăng	
1	Công tác an ninh trật tự: - Giảm số vụ phạm pháp hình sự so năm trước; - Tăng số xã, phường, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn XH về mại dâm, ma túy so năm trước; - Nhân rộng mô hình tự quản về ANTT	30				

2	An toàn giao thông: Giảm 5% số vụ tai nạn giao thông so năm trước (năm trước không để xảy ra vụ nào, năm tiếp theo giữ vững thì đạt điểm chuẩn): - Giảm 5% số vụ TNGT so năm trước. - Giảm 5% số người chết TNGT so năm trước; - Giảm 5% số người bị thương TNGT so năm trước.	30				
3	Công tác quốc phòng: - Hoàn thành chỉ tiêu công tác tuyển quân so kế hoạch được giao; - Công tác giáo dục KTQP đạt chỉ tiêu so với kế hoạch được giao; - Huấn luyện quân sự đạt so kế hoạch được giao.	30				
4	Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt 85% trở lên	30				
5	Trên địa bàn không xảy ra các vụ việc tham nhũng, lãng phí	30				
6	Quản lý đất đai, không để xảy ra tranh chấp kéo dài	25				
7	Kiểm soát chặt chẽ các vùng gây ô nhiễm; tăng cường kiểm tra, quản lý, bảo vệ môi trường (không để xảy ra ô nhiễm môi trường do thiếu trách nhiệm quản lý)	25				

1.2. Đối với Cụm thi đua các xã, phường, thị trấn

a) Thi đua phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính, điểm chuẩn 450 điểm.

STT	Nội dung thi đua	Đơn vị tính	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Thu ngân sách so KH được giao	Tỷ đồng	40				
2	Chi ngân sách so kế hoạch giao	Tỷ đồng	40				
3	Hoàn thành công trình nâng cấp hẻm (phường, thị trấn) hoặc giao thông nông thôn (xã) so KH	Công trình	30				

4	Huy động trẻ em 6 - 14 tuổi đến trường so kế hoạch	Trẻ em	20				
5	Giảm số hộ nghèo đa chiều so kế hoạch	Hộ	30				
6	Hoàn thành số tiêu chí nông thôn mới so KH (đối với xã) hoặc nâng chất lượng tiêu chí NTM (đối với xã đã đạt NTM) hoặc tiêu chí đô thị văn minh (đối với phường, thị trấn)	Tiêu chí	40				
7	Tạo việc làm cho lao động so kế hoạch	Người	20				
8	Số ấp, khu phố đạt chuẩn VH so KH	%	30				
9	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn VH so KH	%	30				
10	Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng so KH	%	30				
11	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế so kế hoạch	%	30				
12	Tỷ lệ hộ dân nông thôn/thành thị được sử dụng nước sạch	%	30				
13	Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm (theo xếp hạng của UBND cấp huyện)	%	30				
13.1	Xếp loại xuất sắc		30				
13.2	Xếp loại khá		20				
13.3	Xếp loại trung bình		10				
14	Đảm bảo vệ sinh môi trường (không để xảy ra vụ việc nghiêm trọng về vệ sinh môi trường trên địa bàn)		30				
15	Thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Tỉnh		20				

b) Thi đua thực hiện công tác quốc phòng - an ninh và an toàn giao thông, điểm chuẩn 200 điểm.

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Giảm	Bằng	Tăng	
1	Giảm số vụ phạm pháp hình sự so năm trước	40				

2	An toàn giao thông: Giảm 5% số vụ tai nạn giao thông so năm trước (năm trước không để xảy ra vụ nào, năm tiếp theo giữ vững thì đạt điểm chuẩn): - Giảm 5% số vụ TNGT so năm trước. - Giảm 5% số người chết do TNGT so năm trước. - Giảm 5% số người bị thương do TNGT so năm trước	45				
3	- Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt 85% trở lên; - Tỷ lệ hòa giải thành so kế hoạch.	30				
4	Công tác quốc phòng: - Hoàn thành chỉ tiêu công tác tuyển quân so kế hoạch; - Công tác giáo dục KTQP so với kế hoạch; - Huấn luyện quân sự so kế hoạch được giao.	30				
5	Trên địa bàn không xảy ra các vụ việc tham nhũng, lãng phí	30				
6	Quản lý đất đai, không để xảy ra tranh chấp kéo dài; đảm bảo vệ sinh môi trường (không để xảy ra vụ việc nghiêm trọng về vệ sinh môi trường trên địa bàn)	25				

1.3. Đối với Khối thi đua các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể, hội quần chúng, lực lượng vũ trang cấp tỉnh. Điểm chuẩn là 650 điểm.

a) Đối với sở, ngành thuộc khối nhà nước cấp tỉnh

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn theo chương trình, kế hoạch năm của cơ quan, đơn vị đề ra. Lưu ý: Căn cứ vào Chương trình công tác trọng tâm của năm, từng cơ quan, đơn vị đăng ký thấp nhất 5 danh mục công việc trọng tâm của ngành, đơn vị	300		
2	Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật được giao thuộc lĩnh vực sở, ngành phụ trách hoặc nghiên cứu tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án hoặc văn bản chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội 5 năm hoặc ban hành văn bản hướng dẫn quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và hiệu quả	50		

3	Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (kết quả xếp hạng của UBND tỉnh) và kết quả tham mưu UBND tỉnh trong công tác CCHC (áp dụng đối với các sở, ngành tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về CCHC theo kế hoạch chỉ đạo hàng năm) * Lưu ý: Đối với các sở, ngành không thực hiện nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh theo kế hoạch thì căn cứ theo kết quả xếp loại (xuất sắc: 100 điểm, tốt: 80 điểm, khá: 70 điểm, trung bình: 60 điểm)	100		
3.1	Xếp loại xuất sắc và hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch	100		
	Xếp loại xuất sắc nhưng chưa hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch	90		
3.2	Xếp loại tốt và hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch	90		
	Xếp loại tốt nhưng chưa hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch	80		
3.3	Xếp loại khá và hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch	80		
	Xếp loại khá nhưng chưa hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch	70		
3.4	Xếp loại trung bình và hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch	60		
	Xếp loại trung bình nhưng chưa hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch	50		
4	Tổ chức hiệu quả nhiệm vụ quản lý Nhà nước theo chức năng nhiệm vụ của sở, ngành (về quy hoạch, kế hoạch; kiểm tra, giám sát; đào tạo, bồi dưỡng...).	50		
5	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí (không có vụ việc vi phạm xảy ra)	50		
6	Thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Tỉnh	50		
7	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền	50		

b) Đối với các Ban Đảng, Đảng ủy và đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Nghiên cứu tham mưu Tỉnh ủy chủ trương, giải pháp, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và hằng năm theo chức năng nhiệm vụ hoặc xây dựng Đề án, chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện theo ngành, lĩnh vực.	250		

2	Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn theo chương trình, kế hoạch năm của cơ quan, đơn vị đề ra. Lưu ý: Căn cứ vào Chương trình công tác trọng tâm của năm, từng cơ quan, đơn vị đăng ký thấp nhất 3 danh mục công việc trọng tâm của cơ quan, đơn vị	150		
3	Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính hoặc ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ	50		
4	Chủ động, đổi mới trong chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội gắn với thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	50		
5	Chấp hành tốt chế độ hội họp, thông tin, báo cáo với Tỉnh ủy (Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết quả)	50		
6	Thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Tỉnh	50		
7	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50		

c) Đối với Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể cấp tỉnh

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn theo chương trình, kế hoạch năm của cơ quan, đơn vị đề ra. Lưu ý: Căn cứ vào Chương trình công tác trọng tâm của năm, từng cơ quan, đơn vị đăng ký thấp nhất 5 danh mục công việc trọng tâm của cơ quan, đơn vị	250		
2	Công tác nghiên cứu, tham mưu cho Tỉnh ủy chỉ đạo các mặt công tác của cơ quan, đơn vị; tham gia góp ý trong quá trình xây dựng chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh... của tỉnh; tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; thực hiện công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của cơ quan, đơn vị.	150		

3	Triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành dọc cấp trên. Đổi mới trong công tác tổ chức, tuyên truyền; vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực thực hiện Chương trình, mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và mục tiêu giảm nghèo bền vững,...	50		
4	Chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành thực hiện hiệu quả Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội gắn với thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	50		
5	Chấp hành tốt chế độ hội họp, thông tin, báo cáo với Tỉnh ủy (Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết quả).	50		
6	Thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyên đổi số của Tỉnh	50		
7	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	50		

1.4. Đối với Khối thi đua các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cơ quan ngành dọc trung ương (hành chính, tư pháp) đóng trên địa bàn tỉnh và cấp huyện.

Thi đua hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Điểm chuẩn là 650 điểm.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và tương đương, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và cấp huyện để thực hiện theo định hướng sau:

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được cấp trên trực tiếp giao, hoặc theo kế hoạch công tác năm được thủ trưởng đơn vị giao Lưu ý: Căn cứ vào Chương trình công tác trọng tâm hàng năm của cơ quan, từng phòng chuyên môn đăng ký thấp nhất 5 danh mục công việc trọng tâm của cơ quan, đơn vị	300		

2	Tham mưu xây dựng văn bản chỉ đạo, điều hành lĩnh vực Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và cấp huyện phụ trách <i>hoặc</i> nghiên cứu tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch, giải pháp, đề án, dự án <i>hoặc</i> văn bản chỉ đạo phát triển KT-XH hàng năm, 5 năm <i>hoặc</i> tham mưu văn bản hướng dẫn quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ... theo ngành, lĩnh vực phụ trách	150		
3	Thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) theo chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc; ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; thực hiện xử lý trực tuyến đối với các TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách; tham gia tuyên truyền thực hiện CCHC * Lưu ý: Có hướng dẫn cụ thể khi chấm điểm	50		
4	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí	50		
5	Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị	50		
6	Thực hiện tốt giao tiếp, ứng xử chuẩn mực với đồng nghiệp, tổ chức, cá nhân; tham mưu giải quyết dứt điểm các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền	50		
Cộng		650		

1.5. Đối với Khối thi đua các doanh nghiệp, ngân hàng và Quỹ Tín dụng nhân dân. Điểm chuẩn là 650 điểm.

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Dư nợ tăng trưởng (hoặc tốc độ tăng trưởng nguồn vốn) so cùng kỳ	80				
2	Giảm tỷ lệ nợ xấu so kế hoạch	80				
3	Lợi nhuận sau thuế so kế hoạch	80				
4	Nộp thuế so với chỉ tiêu	80				
5	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với người lao động (BHXH, BHYT, BHTN...)	80				
6	Đảm bảo vệ sinh, môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh	80				
7	Thực hiện công tác xã hội trên địa bàn	50				

8	Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Tỉnh	60				
9	Thu nhập bình quân CBCNV, người lao động so năm trước liền kề	60				

1.6. Đối với Khối thi đua các Hợp tác xã. Điểm chuẩn là 650 điểm.

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Tốc độ tăng trưởng so cùng kỳ	80				
2	Doanh thu so kế hoạch	80				
3	Lợi nhuận sau thuế so kế hoạch	80				
4	Nộp thuế so với chỉ tiêu (trừ HTX nông nghiệp và HTX giao thông vận tải)	80				
5	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với thành viên, người lao động (BHXH, BHYT...)	80				
6	Đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh	80				
7	Thực hiện công tác từ thiện, xã hội	50				
8	Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Tỉnh	60				
9	Thu nhập bình quân của thành viên so năm trước liền kề	60				

1.7. Đối với Khối thi đua các đơn vị thuộc ngành Y tế. Điểm chuẩn là 650 điểm.

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn theo chương trình, kế hoạch năm đề ra. Lưu ý: Căn cứ vào Chương trình công tác trọng tâm của năm, từng cơ quan, đơn vị đăng ký thấp nhất 5 danh mục công việc trọng tâm của cơ quan, đơn vị	350		
2	Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính theo kế hoạch	100		
3	Công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	50		

4	Đảm bảo an ninh trật tự; an toàn giao thông tại đơn vị	50		
5	Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Tỉnh	50		
6	Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải y tế; tham gia công tác xã hội	50		

1.8. Đối với Khối thi đua các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo. Điểm chuẩn là 650 điểm.

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn theo chương trình, kế hoạch năm đề ra. Lưu ý: Căn cứ vào Chương trình công tác trọng tâm của năm, từng cơ quan, đơn vị đăng ký thấp nhất 5 danh mục công việc trọng tâm của cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND cấp huyện)	350		
2	Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính theo kế hoạch	50		
3	Công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí	50		
4	Đảm bảo an ninh trật tự; an toàn giao thông tại cơ Sở Giáo dục và Đào tạo	100		
5	Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Tỉnh	50		
6	Đảm bảo vệ sinh, môi trường xanh, sạch, đẹp; Hoạt động an sinh xã hội.	50		

1.9. Đối với cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Điểm chuẩn là 650 điểm.

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn theo chương trình, kế hoạch năm đề ra. Lưu ý: Căn cứ vào Chương trình công tác trọng tâm của năm, từng cơ quan, đơn vị đăng ký thấp nhất 5 danh mục công việc trọng tâm của cơ quan, đơn vị	350		
2	Thực hiện hoàn thành nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính theo kế hoạch	100		

3	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	50		
4	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; vệ sinh môi trường cơ quan	50		
5	Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Tỉnh	50		
6	Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền	50		

2. Nội dung II: Thi đua thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị. Điểm chuẩn 200 điểm.

2.1. Đối với cụm thi đua huyện, cụm thi đua xã, điểm chuẩn 200 điểm

a) Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai đầy đủ các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (30 điểm).

b) Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị khóa XI về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thi hành; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả" theo kế hoạch của tỉnh (30 điểm).

c) Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở, công tác dân vận chính quyền và công tác thanh niên (30 điểm).

d) Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có biểu dương, đề xuất khen thưởng hàng năm đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu (20 điểm).

đ) Tổ chức cơ sở Đảng được phân loại "hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên, giảm cơ sở Đảng yếu kém; phát triển đảng viên mới đạt chỉ tiêu (30 điểm).

e) Xây dựng tổ chức đoàn thể vững mạnh xuất sắc (30 điểm).

g) Hoạt động của Hội đồng nhân dân cùng cấp đúng quy định của pháp luật, đạt hiệu quả cao (30 điểm).

2.2. Đối với khối thi đua các cơ quan, tổ chức (trừ đối tượng quy định ở điểm 2.3 khoản này), điểm chuẩn 200 điểm.

a) Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai các chủ trương của, nghị quyết Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (50 điểm).

b) Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị khóa XI về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức

và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thi hành; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả" và các văn bản tổ chức thực hiện (40 điểm).

c) Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở, công tác dân vận chính quyền và công tác thanh niên (30 điểm).

d) Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh Học tập và làm theo tư tưởng có biểu dương, đề xuất khen thưởng hàng năm đối với tập thể, cá nhân tiêu biểu (30 điểm).

đ) Tổ chức cơ sở Đảng được phân loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên; đoàn thể cơ quan đạt vững mạnh xuất sắc (Khối thi đua có đơn vị thành viên không có đủ tổ chức Đảng, đoàn thể hoặc không có tổ chức Đảng, đoàn thể thì Khối trưởng thống nhất với các thành viên bố trí lại điểm hoặc điều chuyển điểm của tiêu chí này vào tiêu chí khác trong nội dung này đảm bảo hợp lý và được ghi rõ trong quy chế hoạt động của Khối thi đua) (50 điểm).

2.3. Đối với Khối thi đua các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cơ quan ngành dọc trung ương (hành chính, tư pháp) đóng trên địa bàn tỉnh và UBND cấp huyện, điểm chuẩn 200 điểm.

a) 100% đảng viên, công chức, viên chức, người lao động của phòng, ban, đơn vị (gọi chung là đơn vị) tham gia tiếp thu, học tập, quán triệt và thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo chỉ đạo của cấp trên trực tiếp (60 điểm).

b) Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở, công tác dân vận chính quyền, cuối năm đơn vị được cấp trên trực tiếp đánh giá tốt (40 điểm).

c) 100% công chức, viên chức, người lao động của đơn vị đăng ký và báo cáo việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", cuối năm được cơ quan có thẩm quyền đánh giá tốt và biểu dương, khen thưởng (40 điểm).

d) Tích cực tham gia xây dựng tổ chức Đảng, đoàn thể vững mạnh (nếu có chi bộ và đoàn thể riêng thì lấy kết quả để đánh giá, nếu sinh hoạt chung thì lấy kết quả chung): 100% cá nhân là đảng viên, đoàn viên thuộc đơn vị được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (60 điểm).

3. Nội dung III: Thi đua thực hiện các nhiệm vụ công tác TĐKT. Điểm chuẩn 100 điểm.

1. Triển khai kịp thời, đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về TĐKT (5 điểm).

2. Có quy chế công tác TĐKT và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác TĐKT; Hội đồng TĐKT được kiện toàn kịp thời mỗi khi có thay đổi và có quy chế hoạt động của Hội đồng; Hội đồng xét sáng kiến cơ sở được kiện toàn kịp thời mỗi khi có thay đổi và có quy chế hoạt động của Hội đồng (13 điểm).

3. Tổ chức triển khai, phát động và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua (PTTĐ) thường xuyên hàng năm, thi đua theo đợt (theo chuyên đề) đúng thẩm quyền (xây dựng kế hoạch phát động PTTĐ; tổ chức thực hiện; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả và tác động của các PTTĐ đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, địa phương, đơn vị...) (14 điểm).

4. Hưởng ứng các PTTĐ do tỉnh phát động (Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ủy ban MTTQVN tỉnh...) và 04 PTTĐ trọng tâm do UBND tỉnh hưởng ứng phát động (PTTĐ “Kiên Giang chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025; PTTĐ “Kiên Giang chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021 - 2025”; PTTĐ “Doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang hội nhập và phát triển” giai đoạn 2022-2025; PTTĐ "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở" giai đoạn 2019-2025) (xây dựng kế hoạch phát động hoặc kế hoạch hưởng ứng; tổ chức thực hiện; kết quả thực hiện) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, địa phương, đơn vị (13 điểm).

5. Thực hiện công tác tuyên truyền về TĐKT; công tác phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến của địa phương (xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện; đánh giá kết quả đạt được) (14 điểm).

6. Thực hiện công tác khen thưởng (15 điểm)

- Công tác thẩm định hồ sơ và trình khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời và đúng thời gian quy định (5 điểm).

- Khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác theo thẩm quyền đạt từ 65% trở lên so với tổng số cá nhân được khen thưởng trong năm (4 điểm).

Đối với các cơ quan, đơn vị số lượng người lao động dưới 20 người thì khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác theo thẩm quyền đạt từ 55% trở lên so với tổng số cá nhân được khen thưởng trong năm.

- Khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác (được cấp tỉnh hoặc tương đương khen đạt từ 60% trở lên so với tổng số cá nhân được cấp tỉnh hoặc tương đương khen thưởng trong năm (4 điểm).

Đối với các cơ quan, đơn vị số lượng người lao động dưới 20 người thì khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác đạt từ 40% trở lên so với tổng số cá nhân được khen thưởng trong năm.

- Phát hiện và kịp thời khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng (khen đột xuất tập thể, cá nhân) (2 điểm).

7. Có kế hoạch và triển khai thực hiện kiểm tra (tự kiểm tra), giám sát về công tác TĐKT; Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan công tác TĐKT đúng quy định, không để tồn đọng (11 điểm).

8. Tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ làm công tác TĐKT; công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác TĐKT (5 điểm).

9. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo 6 tháng, 01 năm và các báo cáo khác đầy đủ, đúng thời gian quy định (10 điểm).

* **Lưu ý:** Đối với nội dung III, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh ban hành hướng dẫn nội dung, phương pháp chấm điểm cụ thể đối với từng tiêu chí thi đua tại khoản 3, Điều 6, Chương III, Quyết định này. Cơ quan Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh chấm điểm nội dung 3 và thông báo kết quả để cụm, khối thi đua thuộc tỉnh hợp đánh giá xếp loại, suy tôn đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua cuối năm.

Đối với khối thi đua các phòng, ban thuộc sở, ngành tỉnh và cấp huyện, dựa vào các tiêu chí chấm điểm nội dung III và hướng dẫn nội dung, phương pháp chấm điểm của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện cụ thể hóa nội dung tiêu chí thi đua cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

Chương IV **NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM** **VÀ BÌNH XÉT THI ĐUA**

Điều 8. Nguyên tắc chấm điểm

1. Đối với các tiêu chí thi đua có định lượng: Các Cụm thi đua cấp huyện, xã thực hiện đạt bao nhiêu % kế hoạch thì được số điểm tương ứng theo điểm chuẩn của tiêu chí thi đua đó.

Đối với các Khối thi đua thuộc tỉnh và huyện (trừ khối thi đua doanh nghiệp, ngân hàng, Quỹ tín dụng và khối hợp tác xã) thực hiện nội dung hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được thực hiện như sau: Căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ hoặc chương trình công tác đề ra hằng năm, các cơ quan, đơn vị đăng ký danh mục công việc thực hiện trọng tâm trong năm (tối thiểu là danh mục 5 công việc) làm cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ dựa trên báo cáo

tổng kết của từng cơ quan, đơn vị. Thực hiện đạt bao nhiêu danh mục công việc thì số điểm tương ứng theo điểm chuẩn của tiêu chí thi đua đó.

Ví dụ: Căn cứ Chương trình công tác trọng tâm trong năm, Sở A có 5 danh mục công việc trọng tâm cần tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Tiêu chí thực hiện nhiệm vụ là 350 điểm, như vậy mỗi đầu việc thực hiện hoàn thành đạt 70 điểm.

Việc chấm điểm, xếp hạng thi đua dựa vào kết quả và số liệu cụ thể (được kiểm chứng qua cơ quan chức năng có thẩm quyền) về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã ký kết giao ước trong năm, nhằm ngăn ngừa biểu hiện che dấu khuyết điểm, chạy theo thành tích.

2. Đối với các tiêu chí định tính: Trên cơ sở đăng ký giao ước thi đua, thang điểm và phương pháp chấm điểm đã được Cụm, Khối thi đua thống nhất và ký kết thực hiện trong năm.

3. Chấm điểm, xếp hạng thi đua và đề nghị khen thưởng nhằm tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua, trao đổi học tập kinh nghiệm lẫn nhau, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ; đảm bảo tính nghiêm túc, chặt chẽ và được 2/3 thành viên trong Cụm, Khối nhất trí.

Điều 9. Phương pháp chấm điểm

1. Các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua tự chấm điểm 02 nội dung thi đua I, II quy định tại Điều 7 của Quy định này; sau đó Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó tổng hợp, rà soát (đối chiếu với cơ quan quản lý cấp trên, các ngành liên quan và tài liệu kiểm chứng), đồng thời căn cứ thông báo của Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ về điểm chấm của nội dung III, trao đổi thống nhất điểm đạt với các thành viên trong Cụm, Khối.

2. Đối với nội dung III do cơ quan thường trực của Hội đồng TĐKT tỉnh hoặc cơ quan thường trực của Hội đồng TĐKT các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện theo dõi, thẩm định, đánh giá, chấm điểm trên cơ sở điểm tự chấm của các thành viên Cụm, Khối và thông báo điểm đạt để các Cụm, Khối thực hiện chấm điểm.

3. Tổng số điểm đạt được của các thành viên trong Cụm, Khối thi đua là kết quả điểm đã được rà soát, trao đổi thống nhất của Cụm trưởng, Khối trưởng đối với các đơn vị thành viên và điểm chấm tại khoản 2 Điều này (bao gồm điểm thực hiện tại khoản 4 Điều này).

4. Điểm thưởng, điểm trừ

4.1. Điểm thưởng (50 điểm).

- Đối với nội dung thi đua số 1: Mỗi chỉ tiêu đăng ký đầu năm vượt trên 5% kế hoạch được cộng 4 điểm thưởng và không vượt quá 20 điểm thưởng tại nội dung số 1.

- Thương 05 điểm cho Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó có đổi mới, sáng tạo trong điều hành hoạt động của Cụm, Khối thi đua; hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy chế.

- Thương 10 điểm cho các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua giới thiệu được mô hình mới, cách làm hay, gương điển hình tiên tiến được phát hiện trong năm báo cáo và qua khảo sát của Hội đồng TĐKT được đánh giá là thực chất, được nhân rộng và mang lại hiệu quả trong thực tế.

- Thương 05 điểm cho các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua sáng tạo, đổi mới trong phát động và tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước theo thẩm quyền (phát động phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, không trùng với các phong trào đã phát động trong các năm trước).

- Thương 10 điểm cho các thành viên trong Cụm, Khối thi đua đổi mới phương thức hoạt động, xây dựng được phong trào chung và có ý nghĩa trong Cụm, Khối thi đua.

4.2. Điểm trừ

- Trừ 5 điểm đối với những cơ quan, địa phương, đơn vị đảm nhiệm Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó mà năm đó chưa hoàn thành nhiệm vụ được quy định tại Điều 4 của Quy chế này hoặc điều hành mà để xảy ra mất đoàn kết nội bộ trong Cụm, Khối thi đua.

- Trừ 5 điểm đối với các đơn vị không có lãnh đạo đơn vị tham dự các cuộc họp sơ kết và tổng kết hoạt động Cụm, Khối thi đua trong năm.

- Trừ 5 điểm đối với các Cụm, Khối nộp hồ sơ trình khen thưởng theo phân cấp đối với các hình thức khen thưởng trễ so với thời gian quy định.

- Trừ 10 điểm đối với các đơn vị có cá nhân lãnh đạo chủ chốt (Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn; Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ban, ngành và Trưởng, Phó các ban Đảng, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch (Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên) Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp, HTX, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức,...) bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách. Trừ 20 điểm trong trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên, đồng thời không xếp hạng nhất, nhì, ba của Cụm, Khối thi đua trong năm có quyết định kỷ luật.

- Việc trừ điểm được thực hiện trong tổng số điểm sau khi chấm.

Điều 10. Cơ cấu, số lượng khen thưởng, mức tiền thưởng

1. Cơ cấu khen thưởng

1.1. Cơ cấu khen thưởng Cụm, Khối thi đua gồm hạng nhất, hạng nhì, hạng ba:

a) Đơn vị thành viên Cụm, Khối thi đua có tổng số điểm cao nhất và đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp tỉnh quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng thì

được suy tôn hạng nhất Cụm, Khối thi đua và đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh; đơn vị có tổng số điểm thấp hơn liền kề với đơn vị hạng nhất thì xếp hạng nhì và hạng ba được đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (trừ trường hợp Cụm, Khối đề nghị nhưng khi thẩm định, Cơ quan thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh phát hiện đơn vị dẫn đầu không đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua theo quy định thì sẽ thông báo hồ sơ không đạt).

b) Trong số những đơn vị đủ tiêu chuẩn được đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, Hội đồng TĐKT tỉnh chọn ra các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất (chia theo lĩnh vực, cấp chính quyền) và có đăng ký Cờ thi đua của Chính phủ từ đầu năm để bình xét đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ (trong năm, các đơn vị đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ sẽ không tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh).

Riêng khối thi đua các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh không xét trình tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ hiệp y khi có đề nghị của Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

2. Số lượng khen thưởng

2.1. Do đặc thù của Cụm thi đua, số lượng khen thưởng quy định như sau:

- Cụm thi đua dưới 05 đơn vị suy tôn 01 hạng nhất, 01 hạng nhì;
- Cụm thi đua có từ 05 đến 08 đơn vị suy tôn 01 hạng nhất, 01 hạng nhì và 01 hạng ba;
- Cụm thi đua có 09 đến 12 đơn vị trở lên suy tôn 01 hạng nhất, 01 hạng nhì và 02 hạng ba.

2.2. Khối thi đua, số lượng khen thưởng quy định như sau:

- Khối thi đua có dưới 05 đơn vị suy tôn 01 hạng nhất.
- Khối thi đua có từ 05 đến 07 đơn vị suy tôn 01 hạng nhất và 01 hạng nhì.
- Khối thi đua có từ 08 đến 10 đơn vị suy tôn 01 hạng nhất, 01 hạng nhì và 01 hạng ba.
- Khối thi đua có từ 11 đến 15 đơn vị suy tôn 01 hạng nhất, 01 hạng nhì và 02 hạng ba.
- Khối thi đua có từ 16 đơn vị trở lên suy tôn 01 hạng nhất, 02 hạng nhì và 02 hạng ba.

3. Mức tiền thưởng

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành: Đơn vị hạng nhất (dẫn đầu) được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh và tiền thưởng theo quy định; Đơn vị hạng nhì được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và tiền thưởng bằng 75% mức tiền thưởng của đơn vị hạng nhất; Đơn vị hạng ba được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và tiền thưởng bằng 50% tiền thưởng của đơn vị hạng nhất.

Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

Điều 11. Bình xét thi đua

1. Việc bình xét thi đua hàng năm của Cụm, Khối thi đua phải dựa trên kết quả thực hiện các nội dung, tiêu chí giao ước thi đua của các đơn vị thành viên đã ký kết. Trên cơ sở báo cáo và kết quả tự chấm điểm thi đua của các đơn vị trong Cụm, Khối, qua đó Cụm trưởng, Khối trưởng phối hợp Cụm phó, Khối phó rà soát, đối chiếu các tiêu chí, tiêu chuẩn và chương trình, kế hoạch, văn bản chứng minh... tổng hợp điểm, nhận xét đánh giá và báo cáo trước Hội nghị tổng kết của Cụm, Khối.

2. Việc bình bầu, xếp loại thi đua do Cụm, Khối bình xét và suy tôn tại Hội nghị tổng kết hàng năm và được thực hiện theo nguyên tắc công khai, dân chủ, công bằng và minh bạch. Có sự đồng thuận, thống nhất suy tôn của các đơn vị thành viên tại Cụm, Khối.

Chỉ áp dụng hình thức bỏ phiếu kín trong các trường hợp sau:

- + Khi có từ 02 đơn vị trở lên có tổng số điểm bằng nhau;
- + Khi các đơn vị trong cụm, khối không thống nhất kết quả xếp hạng hoặc không bình xét được đơn vị dẫn đầu.

3. Không xét thi đua và đề nghị khen thưởng đối với đơn vị thành viên Cụm, Khối không tham gia đăng ký và ký kết giao ước thi đua hàng năm; không gửi báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong năm; đơn vị đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

Điều 12. Hồ sơ và thời gian trình khen thưởng

1. Hồ sơ thủ tục

1.1. Tờ trình của Cụm trưởng, Khối trưởng;

1.2. Báo cáo thành tích thi đua của đơn vị;

1.3. Biên bản họp xét thi đua của Cụm, Khối thi đua (kèm Bảng tổng hợp chấm điểm của Cụm, Khối thi đua);

1.4. Đối với Cụm, Khối thi đua do các sở, ngành, UBND cấp huyện được UBND tỉnh ủy quyền quản lý, hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng phải có thêm tờ trình và biên bản họp xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

1.5. Hồ sơ trình khen thưởng gồm 01 bộ bản chính nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và được nộp trực tuyến.

2. Thời gian trình khen thưởng

Vào tháng 12 của năm trình khen thưởng và kết thúc trước 30/01 năm sau;

đối với ngành Giáo dục và Đào tạo trong thời gian trình khen từ 15/6 đến 30/7 hàng năm.

Chương V

QUY ĐỊNH CHIA CỤM, KHỐI THI ĐUA VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN QUẢN LÝ

Điều 13. Chia Cùm, Khối thi đua

1. Cùm thi đua

1.1. Cùm thi đua các huyện, thành phố thuộc tỉnh có 15 đơn vị chia thành 03 Cùm thi đua, từ Cùm thi đua số 01 đến Cùm thi đua số 03.

1.2. Cùm thi đua xã, phường, thị trấn có 144 đơn vị chia thành 17 Cùm thi đua (mỗi huyện, thành phố tổ chức 01 Cùm thi đua, riêng huyện Giồng Riềng và huyện Hòn Đất mỗi huyện tổ chức thành 02 Cùm thi đua).

2. Khối thi đua

2.1. Khối thi đua các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có 73 đơn vị chia thành 11 khối thi đua, từ Khối thi đua số 01 đến Khối thi đua số 11.

2.2. Khối thi đua các phòng, ban và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cơ quan ngành dọc trung ương (hành chính, tư pháp) đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan):

a) Không thành lập khối thi đua ở những cơ quan có dưới 04 phòng, ban và tương đương trực thuộc;

b) Cơ quan có dưới 16 phòng, ban và tương đương trực thuộc được thành lập 01 khối thi đua; từ 16 phòng, ban và tương đương trở lên thành lập 02 khối thi đua. Số lượng Khối thi đua và số lượng đơn vị trong từng Khối thi đua của mỗi cơ quan do Thủ trưởng cơ quan quyết định đảm bảo phù hợp và báo cáo Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh để quản lý và theo dõi thực hiện.

2.3. Khối thi đua các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh chia thành 01 khối thi đua (Khối thi đua số 13).

2.4. Khối thi đua các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế: Được chia theo lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh; các doanh nghiệp thuộc hệ thống Tập đoàn, Tổng công ty đóng trên địa bàn tỉnh (gồm các ngân hàng TMCP, Quỹ Tín dụng nhân dân và các doanh nghiệp khác), chia thành 11 khối thi đua. Giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hàng năm vận động các doanh nghiệp tham gia khối thi đua và

thành lập thêm các khối thi đua mới để hoạt động theo Quy định này và báo cáo UBND tỉnh.

2.5. Khối thi đua các Hợp tác xã (theo Luật Hợp tác xã) chia thành 11 Khối thi đua. Các năm tiếp theo vận động các HTX tham gia để trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thành lập thêm các Khối thi đua mới hoạt động theo Quy định này và báo cáo UBND tỉnh.

2.6. Khối thi đua các phòng, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc huyện, thành phố chia thành 30 Khối thi đua (mỗi huyện, thành phố thành lập 02 khối thi đua: Khối thi đua các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện; Khối các ban, ngành, đơn vị thuộc huyện, thành ủy). Số lượng đơn vị trong từng Khối thi đua của mỗi huyện, thành phố có ít nhất 05 đơn vị trở lên do địa phương quyết định đảm bảo phù hợp và báo cáo Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh để quản lý và theo dõi thực hiện.

2.7. Khối thi đua ngành Giáo dục và Đào tạo bao gồm:

a) Khối thi đua các trường đại học, cao đẳng có 05 trường, chia thành 01 Khối thi đua (Khối thi đua số 12).

b) Khối thi đua các trường THPT, dân tộc nội trú và đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý chia thành 04 khối thi đua từ Khối thi đua 01 đến Khối thi đua 04, việc chia thành khối thi đua cụ thể do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện và báo cáo Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh để quản lý và theo dõi việc thực hiện.

c) Khối thi đua các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở (hoặc trường có nhiều cấp học) trực thuộc UBND cấp huyện do UBND cấp huyện chia không quá 04 khối thi đua theo mỗi cấp học, việc chia khối thi đua cụ thể do Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện và báo cáo Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh để quản lý và theo dõi việc thực hiện.

2.8. Khối thi đua các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Y tế quản lý chia thành 04 khối thi đua từ Khối thi đua 01 đến Khối thi đua 04, việc chia thành khối thi đua cụ thể do Giám đốc Sở Y tế thực hiện và báo cáo Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh để quản lý và theo dõi việc thực hiện.

2.9. Khối thi đua các cơ sở đào tạo nghề nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có 06 đơn vị thành 01 khối thi đua. Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo khối thi đua theo quy định của UBND tỉnh.

(Kèm theo có phụ lục danh sách chia Cụm, Khối thi đua).

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan được ủy quyền quản lý Cụm, Khối thi đua

1. Giao Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức chia Cụm thi đua các xã, phường, thị trấn trực thuộc; Khối thi đua các phòng, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; Khối thi đua các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trực thuộc; hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể và theo dõi, chỉ đạo các cụm, khối thi đua theo quy định của UBND tỉnh.

2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chia các khối thi đua các trường THPT, dân tộc nội trú, các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các Khối thi đua.

3. Giao Giám đốc Sở Y tế chia các khối thi đua các Bệnh viện, Trung tâm y tế, phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Y tế; quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các Khối thi đua.

4. Giao Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Kiên Giang phối hợp Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh chia các khối thi đua đối với các khối thi đua các quỹ tín dụng nhân dân; quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các Khối thi đua thuộc lĩnh vực tín dụng, ngân hàng theo quy định của UBND tỉnh.

5. Giao Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh Kiên Giang và phối hợp Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh chia các khối thi đua Hợp tác xã, các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Liên minh HTX tỉnh; quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các Khối thi đua theo quy định của UBND tỉnh.

6. Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo Khối thi đua các cơ sở đào tạo nghề nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của UBND tỉnh.

7. Giao thủ trưởng các cơ quan quy định ở điểm 2.2, khoản 2, Điều 13 chia khối thi đua các phòng, ban và tương đương trực thuộc; quản lý, hướng dẫn tiêu chí thi đua cụ thể, theo dõi, chỉ đạo các Khối thi đua theo quy định của UBND tỉnh.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Hằng năm Hội đồng TĐKT tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương và tỉnh về công tác TĐKT đến tất cả các cấp, các ngành. Phân công cụ thể các thành viên Hội đồng thường xuyên theo

dối, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đôn đốc các Cụm, Khối tổ chức tốt các hoạt động và phát động thi đua thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua nhằm hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua đã ký kết và nhiệm vụ chính trị được giao.

Điều 16. Thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị tham gia Cụm, Khối thi đua của tỉnh có trách nhiệm triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện đúng các quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh, đồng thời đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước tại cơ quan, địa phương, đơn vị mình với nội dung và tiêu chí thi đua cụ thể, thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước của tỉnh, làm động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Đối với Cụm, Khối thi đua UBND tỉnh đã ủy quyền quản lý, hướng dẫn có trách nhiệm tổ chức phát động và thực hiện các phong trào thi đua, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và bình chọn các đơn vị xuất sắc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Điều 18. Sở Nội vụ (Ban TĐKT tỉnh) có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh có các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động, tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh và Cụm, Khối thi đua đã được ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý; thẩm định hồ sơ và trình khen thưởng theo quy định.

Trên đây là quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cụm, Khối thi đua của tỉnh, trong quá trình thực hiện nếu có những khó khăn, vướng mắc đề nghị các Cụm, Khối thi đua kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Ban TĐKT tỉnh) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CHIA CỤM, KHỐI THI ĐUA THUỘC TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3134/QĐ-UBND ngày 12/12/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. CỤM THI ĐUA

I. CỤM THI ĐUA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

1. Cụm 1. Có 05 đơn vị:

- Huyện An Biên;
- Huyện An Minh;
- Huyện Kiên Hải;
- Huyện U Minh Thượng;
- Huyện Vĩnh Thuận.

2. Cụm 2. Có 05 đơn vị:

- Huyện Kiên Lương;
- Huyện Gò Quao;
- Huyện Hòn Đất;
- Huyện Tân Hiệp;
- Huyện Giang Thành.

3. Cụm 3. Có 05 đơn vị:

- Thành phố Rạch Giá;
- Thành phố Phú Quốc;
- Thành phố Hà Tiên;
- Huyện Châu Thành;
- Huyện Giồng Riềng.

II. CỤM THI ĐUA CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

1. Cụm 1. Có 09 xã, thị trấn thuộc huyện An Biên.

2. Cụm 2. Có 11 xã, thị trấn thuộc huyện An Minh.

3. Cụm 3. Có 10 xã, thị trấn thuộc huyện Châu Thành.

4. Cụm 4. Có 11 xã, thị trấn thuộc huyện Gò Quao.

5. Cụm 5. Có 10 xã, thị trấn thuộc huyện Giồng Riềng.

6. Cụm 6. Có 09 xã, thị trấn thuộc huyện Giồng Riềng.

7. Cụm 7. Có 05 xã thuộc huyện Giang Thành.

8. Cụm 8. Có 07 xã, thị trấn thuộc huyện Hòn Đất.
9. Cụm 9. Có 07 xã, thị trấn thuộc huyện Hòn Đất.
10. Cụm 10. Có 07 phường, xã thuộc thành phố Hà Tiên.
11. Cụm 11. Có 04 xã thuộc huyện Kiên Hải.
12. Cụm 12. Có 08 xã, thị trấn thuộc huyện Kiên Lương.
13. Cụm 13. Có 09 phường, xã thuộc thành phố Phú Quốc.
14. Cụm 14. Có 12 phường, xã thuộc thành phố Rạch Giá.
15. Cụm 15. Có 11 xã, thị trấn thuộc huyện Tân Hiệp.
16. Cụm 16. Có 06 xã thuộc huyện U Minh Thượng.
17. Cụm 17. Có 08 xã, thị trấn thuộc huyện Vĩnh Thuận.

B. KHỐI THI ĐUA

I. KHỐI THI ĐUA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH

1. Khối 1. Có 09 đơn vị
 - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
 - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
 - Công an tỉnh;
 - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
 - Tòa án nhân dân tỉnh;
 - Thanh tra tỉnh;
 - Cục Thi hành án dân sự;
 - Trại giam Kênh 7;
 - Hải đoàn Biên phòng 28.
2. Khối 2. Có 05 đơn vị
 - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
 - Sở Nội vụ;
 - Sở Tư pháp;
 - Sở Ngoại vụ;
 - Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Khối 3. Có 06 đơn vị
 - Sở Xây dựng;
 - Sở Giao thông vận tải;
 - Sở Công Thương;

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài chính.

4. Khối 4. Có 06 đơn vị

- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Sở Y tế;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Du lịch;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Khối 5 (các ban HĐND tỉnh). Có 06 đơn vị

- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế và Ngân sách;
- Ban Dân tộc - HĐND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội;
- Ban Pháp chế;
- Ban Dân tộc tỉnh.

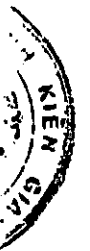
6. Khối 6. Có 06 đơn vị

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy.

7. Khối 7. Có 06 đơn vị

- Đảng ủy Khối các Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh;
- Trường Chính trị;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kiên Giang;
- Báo Kiên Giang;
- Hội Nhà báo tỉnh.

8. Khối 8. Có 07 đơn vị



- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Hội Cựu chiến binh tỉnh;
- Tỉnh đoàn Kiên Giang;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

9. Khối 9. Có 06 đơn vị

- Hội Chữ thập đỏ tỉnh;
- Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh;
- Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh;
- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh;
- Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh.

10. Khối 10. Có 08 đơn vị

- Hội Đông y tỉnh;
- Hội Làm vườn tỉnh;
- Hội Người cao tuổi tỉnh;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- Hội Nạn nhân chất độc da cam tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang;
- Hội Quân dân y tỉnh;
- Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh.

11. Khối 11. Có 08 đơn vị

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;
- Vườn Quốc gia U Minh Thượng;
- Vườn Quốc gia Phú Quốc;
- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang;



- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang.

12. Khối 12. Có 05 đơn vị

- Trường Đại học Kiên Giang;
- Trường Cao đẳng Kiên Giang;
- Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh;
- Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang;
- Trường Cao đẳng Y tế tỉnh.

II. KHỐI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Khối 13. Có 08 đơn vị

- Cục Hải quan Kiên Giang;
- Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang;
- Cục Thống kê;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Kiên Giang;
- Cục Thuế Kiên Giang;
- Kho bạc Nhà nước Chi nhánh Kiên Giang;
- Bảo hiểm Xã hội Kiên Giang;
- Cục Quản lý thị trường Kiên Giang.

III. KHỐI THI ĐUA CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Khối 14. Có 05 đơn vị

- Công ty CP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang;
- Công ty CP Đầu tư Phú Cường Kiên Giang;
- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang;
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Kiên Giang.

2. Khối 15. Có 05 đơn vị

- Công ty CP Xi măng Hà Tiên;
- Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp Kiên Giang;
- Công ty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang;
- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang;
- Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang.

3. Khối 16. Có 06 đơn vị

- Công ty Viễn thông Kiên Giang;
- Bưu điện Kiên Giang;
- Công ty Điện lực Kiên Giang;
- Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang;
- Viettel Chi nhánh Kiên Giang.

4. Khối 17. Có 05 đơn vị

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh tỉnh Kiên Giang 2.

5. Khối 18. Có 06 đơn vị

- Ngân hàng Hợp tác Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng Phát triển Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Kiên Giang;
- Ngân hàng TMCP Kiên Long Chi nhánh Rạch Giá;
- Ngân hàng TMCP Sacombank Chi nhánh Kiên Giang;
- Quỹ Đầu tư phát triển Kiên Giang.

6. Khối 19. có 08 đơn vị

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng TMCP Công thương, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng TMCP Sacombank, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Phú Quốc;
- Ngân hàng TMCP Kiên Long, Chi nhánh Phú Quốc.

7. Khối 20. Có 05 đơn vị

- Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát;
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CIC Nam Việt;
- Công ty Cổ phần Xây dựng CIC Kiên Giang;

- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CIC Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng CIC Thắng Anh.

8. Khối 21. Có 05 đơn vị

- Công ty Cổ phần Bao bì Kiên Giang;
- Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Kiên Giang;
- Công ty Bảo Việt Kiên Giang;
- Công ty Bảo Minh Kiên Giang;
- Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Kiên Giang.

9. Khối 22. Có 7 đơn vị

- Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc (CEO);
- Công ty TNHH Phương Anh Đức (Famiana);
- Công ty TNHH MTV Miramar (Chensea);
- Cảng Hàng không quốc tế Phú Quốc;
- Công ty Cổ phần Thương mại Khải Hoàn;
- Công ty TNHH MTV Mặt trời Phú Quốc.

IV. KHỎI THI ĐUA CÁC QUỸ TÍN DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Khối 23. Có 10 đơn vị

- Quỹ Tín dụng nhân dân Bình An, huyện Kiên Lương;
- Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Thạnh An, huyện Tân Hiệp;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Đông Hòa, huyện Tân Hiệp;
- Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Tân Hội, huyện Tân Hiệp.

2. Khối 24. Có 10 đơn vị

- Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng;
- Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên;

- Quỹ Tín dụng nhân dân Đông Thái, huyện An Biên;
- Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn Thứ 11, huyện An Minh;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Thanh Lộc, huyện Giồng Riềng;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Mong Thọ A, huyện Châu Thành;
- Quỹ Tín dụng nhân dân Mong Thọ B, huyện Châu Thành;

V. Khối thi đua các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cơ quan hành chính thuộc ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn (do thủ trưởng các cơ quan chia khối thi đua theo quy định).

VI. Khối thi đua các Hợp tác xã và phòng, ban, đơn vị trực thuộc (do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh chia khối thi đua theo quy định).

VII. Khối thi đua các phòng, ban, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, thuộc huyện, thành phố (do Chủ tịch UBND cấp huyện chia khối thi đua theo quy định).

VIII. Khối thi đua các trường THPT, Dân tộc nội trú và phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo có 4 Khối thi đua (do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chia khối thi đua theo quy định).

IX. Khối thi đua các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ (do Chủ tịch UBND cấp huyện chia khối thi đua theo quy định).

X. Khối thi đua các Bệnh viện, Trung tâm y tế và phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Y tế (do Giám đốc Sở Y tế chia khối thi đua theo quy định).

XI. Khối thi đua các cơ sở dạy nghề và phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (do Giám đốc Sở chia khối thi đua theo quy định)./.

